

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 8 - 2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Út

2. Bà Lê Thanh Xuân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đô – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hà Thị H – sinh năm: 1978

Địa chỉ: Ấp 1, xã 2, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang – (xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn Kh – sinh năm: 1977

Địa chỉ: Ấp 1, xã 2, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang – (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 02/5/2019 (bút lục 09) và bản tự khai (bút lục 24) có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà H trình bày: Bà và ông Kh chung sống như vợ chồng từ năm 1998, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, đến năm 2006 thì có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn Nghĩa A, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu rất hạnh phúc nhưng đến nay phát sinh mâu thuẫn,

bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung khiến cho hôn lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Kh, bà có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và đơn xin xét xử vắng mặt.

Về con chung: Có 03 con chung gồm Trần Thị Mỹ D (nữ) sinh ngày 08/9/1999; Trần Thị Mỹ H (nữ), sinh ngày 16/5/2003; Trần Thị Mỹ X (nữ), sinh ngày 19/10/2005, sau khi ly hôn đối với cháu D đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với cháu H và cháu X bà yêu cầu được quyền tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu ông Kh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết Tòa án đã thực hiện việc giao thông báo và triệu tập ông Kh hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông Kh đều vắng mặt không lý do chính đáng nên không có lời khai.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Hà Thị H được ly hôn với ông Trần Văn Kh. Về con chung: Đề nghị giao cháu Trần Thị Mỹ H và cháu Trần Thị Mỹ X cho bà H nuôi dưỡng, bà H chưa yêu cầu cấp dưỡng nên ông Kh chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét. Đề nghị buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn và con chung với ông Kh nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do chính đáng nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là có căn cứ pháp luật.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà H và ông Kh được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Do cuộc sống chung có nhiều mâu thuẫn dẫn đến việc bà H yêu cầu được ly hôn với ông

Kh; bà H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải điều đó cho thấy bà H cương quyết ly hôn và không muốn hòa giải đoàn tụ; ông Kh không đến Tòa để được hòa giải đoàn tụ về quan hệ hôn nhân cho thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông Kh.

[4] Xét về con chung và vấn đề cấp dưỡng: Đối với con chung tên Trần Thị Mỹ D đã trưởng thành và bà H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; đối với hai cháu Trần Thị Mỹ H và Trần Thị Mỹ D bà H có nguyện vọng được nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của hai cháu nên có cơ sở chấp nhận giao cho bà H được quyền nuôi dưỡng và dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho ông Kh; về cấp dưỡng do bà H không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H khai không có nhưng chưa có lời khai của ông Kh nên để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Kh, Hội đồng xét xử tách ra giải quyết thành vụ án khác nếu sau này có phát sinh tranh chấp.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Hà Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Hà Thị H đối với ông Trần Văn Kh, cho bà Hà Thị H được ly hôn với ông Trần Văn Kh.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Mỹ H (nữ), sinh ngày 16/5/2003; Trần Thị Mỹ X (nữ), sinh ngày 19/10/2005 cho bà Hà Thị H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, do bà H không yêu cầu nên ông Kh không phải cấp dưỡng nuôi con; dành quyền thăm nom và chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Trần Văn Kh không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tách ra giải quyết thành vụ án khác nếu sau này có phát sinh tranh chấp.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm buộc bà Hà Thị H phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0018861 ngày

02/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (bà H đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại chính quyền địa phương nơi đương sự cư trú theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
- UBND xã 2;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Minh Tâm